

Bảng thông số sản phẩm

Thông số kỹ thuật



Circuit breaker, ComPacT
NS630bN, 50kA at 415VAC, 4P,
fixed, manually operated,
MicroLogic 2.0 control unit, 630A

C063N420FM

Main

Range	ComPacT
product name	ComPacT NS new generation
Range of product	ComPacT NS630b...1600 new generation
Product or component type	Circuit breaker
Device application	Distribution
Number of poles	4P
Protected poles description	4D
Neutral position	Left
(In) rated current up to 65 °C	630 A at 50 °C
[Ue] rated operational voltage	690 V AC 50/60 Hz
network type	AC
Network frequency	50/60 Hz
Suitability for isolation	Yes conforming to EN/IEC 60947-2
Utilisation category	Category B
[Icu] rated ultimate short-circuit breaking capacity	85 kA Icu at 220/240 V AC 50/60 Hz conforming to IEC 60947-2 50 kA Icu at 380/415 V AC 50/60 Hz conforming to IEC 60947-2 50 kA Icu at 440 V AC 50/60 Hz conforming to IEC 60947-2 40 kA Icu at 500/525 V AC 50/60 Hz conforming to IEC 60947-2 30 kA Icu at 660/690 V AC 50/60 Hz conforming to IEC 60947-2
Performance level	N 50 kA 415 V AC
Trip unit name	MicroLogic 2.0
Trip unit technology	Electronic
Trip unit protection functions	LI
Control type	Manually operated
Mounting mode	Fixed

Complementary

[Ui] rated insulation voltage	800 V AC 50/60 Hz conforming to IEC 60947-2
[Uimp] rated impulse withstand voltage	8 kV conforming to IEC 60947-2
[Ics] rated service short-circuit breaking capacity	50 kA at 220/240 V AC 50/60 Hz conforming to IEC 60947-2 50 kA at 380/415 V AC 50/60 Hz conforming to IEC 60947-2 50 kA at 440 V AC 50/60 Hz conforming to IEC 60947-2 40 kA at 500/525 V AC 50/60 Hz conforming to IEC 60947-2 30 kA at 660/690 V AC 50/60 Hz conforming to IEC 60947-2
[Icw] rated short-time withstand current	19.2 kA 1 s conforming to IEC 60947-2

Miễn trừ trách nhiệm: Tài liệu này không nhằm thay thế và không được sử dụng để xác định tính phù hợp hoặc độ tin cậy của các sản phẩm này cho các ứng dụng người dùng cụ thể

Mechanical durability	10000 cycles
Electrical durability	2000 cycles at 690 V In 4000 cycles at 690 V In/2 5000 cycles at 440 V In 6000 cycles at 440 V In/2
Power losses	10 W
Mounting support	Backplate
Upside connection	Front
Downside connection	Front
Connection pitch	70 mm
Protection type	L : for overload protection (long time) I : for instantaneous short-circuit protection
Trip unit rating	630 A at 50 °C
Long-time pick-up adjustment type Ir (thermal protection)	Adjustable 9 settings
[Ir] long-time protection pick-up adjustment range	0.4...1 x In
Long-time protection delay adjustment type tr	Adjustable 9 settings
[tr] long-time protection delay adjustment range	12.5...600 s at 1.5 x Ir 0.5...24 s at 6 x Ir 0.7...16.6 s at 7.2 x Ir
Thermal memory	20 mn
Instantaneous protection pick-up adjustment type Ii	Adjustable
[Ii] instantaneous protection pick-up adjustment range	1.5...10 x Ir
Earth-leakage protection	Without
Neutral protection settings	No protection (3D) 0.5 x Ir (3D + N/2) 1 x Ir (4D)
Zone selective interlocking ZSI	Without
Auxiliary contact composition	1 NO/NC
Local signalling	4 LEDs (red) for fault indication 1 LED (yellow) for overload
Width (W)	280 mm
Height (H)	327 mm
Depth (D)	147 mm
Product weight	18 kg

Environment

Standards	EN/IEC 60947-2
Product certifications	IECEE CB Scheme
Pollution degree	3 conforming to IEC 60947
IP degree of protection	IP40 conforming to IEC 60529
IK degree of protection	IK07 conforming to EN 50102
Ambient air temperature for operation	-25...70 °C
Ambient air temperature for storage	-50...85 °C
Relative humidity	0...95 %

Operating altitude	0...2000 m without derating 2000 m...5000 m with derating
--------------------	--

Packing Units

Unit Type of Package 1	PCE
Number of Units in Package 1	1
Package 1 Height	30.000 cm
Package 1 Width	37.000 cm
Package 1 Length	38.000 cm
Package 1 Weight	14.873 kg

Environmental Data

Schneider Electric nhắm đến việc đạt được vị trí Net Zero vào năm 2050 thông qua các quan hệ đối tác chuỗi cung ứng, giảm vật liệu tác động và sự tuần hoàn thông qua chiến dịch "Use Better, Use Longer, Use Again" đang diễn ra của chúng tôi để kéo dài tuổi thọ sản phẩm và khả năng tái chế.

Dữ liệu môi trường đã giải thích >

Cách chúng tôi đánh giá tính bền vững của sản phẩm >

Ảnh hưởng môi trường	
Carbon footprint (kg.eq.CO2 per CR, Total Life cycle)	533
Environmental Disclosure	Product Environmental Profile

Use Better

Vật liệu và Bao bì	
Packaging made with recycled cardboard	No
Packaging without single use plastic	No
SCIP Number	76c2e213-3b51-4d8b-afdf-632ded42d731
China RoHS Regulation	China RoHS declaration
PVC free	Yes
Silicon free	No

Use Again

Đóng gói lại và tái sản xuất	
Circularity Profile	End of Life Information
WEEE	 The product must be disposed on European Union markets following specific waste collection and never end up in rubbish bins
Halogen content performance	Product contains halogen above thresholds
Take-back	No